

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ SA ĐÉC  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2022/DS-ST  
Ngày: 13-9-2022  
“V/v tranh chấp hợp đồng  
hợp tác”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Tuấn Em

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Minh

Bà Cao Thị Diệu Hiền

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đỗ Minh Thìn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Lê Tiến Trung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 tháng 8, ngày 09 và 13 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 379/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2020, thụ lý bổ sung số 379A/TB-TLVA ngày 28 tháng 01 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng hợp tác*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51A/2022/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2022/QĐST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đặng Bá T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số A, đường số A, Tổ A, Khu phố F, Phường P, Quận I, TP ..

Người đại diện hợp pháp: Anh Y KI KTLA (KITA), sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số C (Lầu C), Trần Hưng Đ, phường C, Quận A, TP ..

Là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 17/7/2020).

2. *Bị đơn:* Chị Phạm Ngọc G, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số E, Rạch Cao M, ấp T, xã T, TP ., tỉnh Đồng Tháp.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Phạm Thị Phương C, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Số C, khóm B, phường A, TP ., tỉnh Đồng Tháp.

3.2. Anh Lê Thành N – Chủ hộ kinh doanh Âm thực T4.

Địa chỉ: Số F, Nguyễn Văn P, khóm T, phường A, TP ., tỉnh Đồng Tháp.

3.3. Ông Quảng Ngọc T1, sinh năm 1969.

3.4. Bà Trần Thị Ú, sinh năm 1971.

Cùng địa chỉ: Số F, Rạch N, khóm T, Phường A, TP ., Đồng Tháp.

*Đại diện ủy quyền nguyên đơn là anh Y KI KTLA có mặt, bị đơn chị Phạm Ngọc G vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà C, anh N, ông T1 và bà Ú vắng mặt nhưng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***\* Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Y KI KTLA trình bày:***

Nguyên trước đây, vào ngày 24/12/2018, ông Đặng Bá T và chị Phạm Ngọc Giàu c ký hợp đồng góp vốn đầu tư kinh doanh nhà hàng được công chứng tại Văn phòng C2, thành phố Hồ Chí Minh. Ông T và chị G thỏa thuận góp vốn kinh doanh nhà hàng “Âm thực Thành Phát”. Để hoạt động kinh doanh nhà hàng, ông T và chị G cùng góp vốn đầu tư sửa chữa, xây dựng lại, mua sắm tài sản, tranh thiết bị, công cụ và cải tạo trên cấu trúc cơ sở hiện hành một nhà hàng đầy đủ phòng VIP, các sảnh và đưa vào các hoạt động kinh doanh khác theo quy định pháp luật. Theo hợp đồng, ông T và chị G thỏa thuận số tiền góp vốn là 1.400.000.000 đồng, ông T và chị G thỏa thuận mỗi bên góp 50% là 700.000.000 đồng, nhưng thực tế khi thực hiện hợp đồng góp vốn thì phát sinh chi phí bên ông T có chuyển cho chị G số tiền là 1.672.820.000 đồng (Trong đó, ông Thanh thanh t cho công ty TNHH T5 mua bán ghế là 112.050.000 đồng, thanh toán cho công ty N2 mua Tivi led, đồ điều khiển là 30.990.000 đồng, thanh toán cho cửa hàng L mua loa kéo Acnos số tiền là 29.780.000 đồng và chuyển vào tài khoản của anh Trần Văn Đ1 số tiền 18.000.000 đồng (nhưng người nhận tiền là chị G) và chuyển vào tài khoản của chị G nhiều lần với tổng cộng số tiền là 1.482.000.000 đồng). Thời hạn hợp đồng góp vốn là 06 năm, kể từ ngày ký hợp đồng. Địa điểm kinh doanh nhà hàng “Âm thực Thanh Phát” tại thửa đất 528, tờ bản đồ số 43 (nay là thửa 661, tờ bản đồ số 43) đất tọa lạc tại đường N, khóm T, phường A, thành phố S, Đồng Tháp do ông Quảng Ngọc T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, hợp đồng thuê thửa đất 528 (nay là thửa 661), tờ bản đồ 43 đã được chị G và ông Quảng Ngọc T1 và bà Trần Thị Ú ký vào ngày 14/12/2018, trước ngày ông T và chị G ký hợp đồng góp vốn, theo hợp đồng thuê một phần quyền sử dụng đất giữa chị G với ông T1, bà Ú thì chị G thuê diện tích 1.200m<sup>2</sup> (trên tổng diện tích 1.396,6m<sup>2</sup>), thời hạn thuê là 06 năm, kể từ ngày 14/12/2018, giá thuê là 8.000.000 đồng/tháng, hợp đồng thuê một phần quyền sử dụng đất được công chứng tại Văn phòng C3. Theo thỏa thuận hợp đồng góp vốn thì chị

G là người trực tiếp việc quản lý, chịu trách nhiệm kinh doanh và đứng tên giấy phép kinh doanh nhà hàng “Âm thực Thành Phát”, còn ông T chỉ quản lý và theo dõi qua phần mềm Cukcuk.

Về lợi nhuận thỏa thuận chia là sau khi trừ các chi phí, bao gồm tiền thuê đất, tiền lương nhân viên, tiền mua hàng và các chi phí mua vật dụng trong nhà hàng. Qua theo dõi phần mềm C1 mà ông Thanh quản l, kết quả kinh doanh nhà hàng “Âm thực Thành Phát” thì từ tháng 02/2019 đến tháng 01 năm 2020 có lợi nhuận là 2.799.920.122 đồng đã bao gồm trừ chi phí và từ tháng 02 và tháng 03 năm 2020 có lợi nhuận là 558.918.728 đồng. Tổng cộng lợi nhuận 3.358.838.850 đồng, giữa ông T và chị G chưa chia lợi nhuận số tiền này, ông T có yêu cầu chị G chia nhưng chị G nhiều lần từ chối.

Đến ngày 17/02/2020, chị G đã chuyển nhượng quán “Âm thực Thành P1” cho bà Phạm Thị Phương C và anh Lê Thành N, trong khi giữa chị G và ông T có ký hợp đồng góp vốn, không được sự đồng ý của ông T. Ngoài ra, sau khi chị Giàu sang n lại nhà hàng A thì đến ngày 03/6/2020, anh Lê Thanh N1 và ông Quảng Ngọc T1 và bà Trần Thị Ú ký hợp đồng cho thuê một phần quyền sử dụng đất, theo đó anh N1 thuê thửa đất 661, tờ bản đồ 43, đất tọa lạc tại đường N, khóm T, phường A, thành phố S. Hiện tại anh Lê Thanh N1 đang đứng tên giấy phép kinh doanh nhà hàng A, theo giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh Âm thực T6.

Đối với số tiền 18.000.000 đồng mà ông T đã chuyển vào tài khoản của anh Trần Văn Đ1 thì trong vụ án này ông T không có tranh chấp, yêu cầu gì đối với ông Đ1. Trong trường hợp có tranh chấp với ông Đ1 thì ông T sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

Trong vụ án này, ông T không yêu cầu định giá tài sản do ông T không xác định được tài sản gì ông T và chị G mua góp vốn mua.

Nay ông Đặng Bá T yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/ Buộc chị Phạm Ngọc G thực hiện đúng nội dung “Hợp đồng góp vốn đầu tư kinh doanh nhà hàng” mà anh Đặng Bá T và chị Phạm Ngọc G ký ngày 24/12/2018 tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Diệp thành phố C2.

2/ Buộc chị Phạm Ngọc G trả cho anh Đặng Bá T 50% lợi nhuận kết quả hoạt động kinh doanh của nhà hàng “Âm thực Thành Phát” từ tháng 02/2019 đến tháng 3/2020, số tiền là 1.679.419.425 đồng, trả đầy đủ số tiền nêu trên cho anh T ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3/ Yêu cầu tuyên hủy hợp đồng chuyển nhượng nhà hàng “Âm thực Thành P1” mà chị Phạm Ngọc G đã ký chuyển nhượng cho bà Phạm Thị Phương C hoặc cho anh Lê Thành N và Hủy giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 51B8010018 do Phòng Tài chính – Kế toán thành phố S, tỉnh Đồng Tháp cấp cho ông Lê Thành N.

4/ Buộc bà Phạm Thị Phương C và anh Lê Thành N giao lại nhà hàng

“Ẩm thực Thành Phát” tại địa chỉ số F N, khóm T, phường A, TP ., tỉnh Đồng Tháp cho anh Đặng Bá T và chị Phạm Ngọc G để tiếp tục quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh của Nhà hàng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

5/ Tuyên bố hợp đồng cho thuê một phần quyền sử dụng đất giữa ông Quảng Ngọc T1, bà Trần Thị Ú với anh Lê Thành N, hợp đồng công chứng số 1038 ký ngày 03/6/2020 tại Văn phòng công chứng Thái Viết Phương tỉnh Đ vô hiệu.

Ngoài ra, ông T không có yêu cầu gì khác.

**\* Bị đơn chị Phạm Ngọc G:**

Chị G từ khi Tòa án thụ lý vụ án đã bỏ địa phương đi; Tòa án đã niêm yết Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo quy định. Nguyên đơn cũng đăng tin trên báo, đài tìm kiếm nhưng hết thời hạn chị G vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, cũng như không có văn bản trình bày ý kiến.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Phương C vắng mặt nhưng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, trong quá trình giải quyết vụ án có lời khai, ý kiến trình bày:**

Do trước đây chị Phạm Ngọc Giàu c mua vật liệu xây dựng của bà C còn thiếu số tiền 200.000.000 đồng, do chị G không có tiền trả nên vào tháng 01 năm 2020 chị Giàu c bán lại các tài sản như bàn ghế, tủ, chén, máy quạt, máy lạnh, 02 tủ đông...với giá là 200.000.000 đồng. Đối với các tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất như nhà tạm, công trình phụ phục vụ kinh doanh theo văn bản chấm dứt hợp đồng thuê đất giữa chủ đất ông T1, bà Ú với chị G là tài sản của ông T1, bà Ú, bà C không có mua các tài sản này. Việc mua bán các tài sản trên giữa bà C và chị G không có làm văn bản, chỉ thỏa thuận bằng lời nói. Thời điểm bà C mua lại các tài sản này, chị G đang đứng tên giấy phép kinh doanh nhà hàng A, chị G không có nói và bà C cũng không có biết là giữa bà G và ông T có hợp đồng góp vốn kinh doanh nhà hàng A. Sau khi mua bán các tài sản trên thì bà C đã cho lại anh Lê Thành N là con rể bà C quản lý, kinh doanh. Hiện tại, anh N đang quản lý, đứng tên giấy phép kinh doanh, cũng như ký hợp đồng thuê đất với ông T1, bà Ú, cũng như trả tiền thuê đất.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu tuyên hủy hợp đồng chuyển nhượng nhà hàng “Ẩm thực Thành P1” mà chị Phạm Ngọc G đã ký chuyển nhượng cho bà Phạm Thị Phương C hoặc cho anh Lê Thành N và Hủy giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 51B8010018 do Phòng Tài chính – Kế toán thành phố S, tỉnh Đồng Tháp cấp cho ông Lê Thành N. Buộc bà Phạm Thị Phương C và anh Lê Thành N giao lại nhà hàng “Ẩm thực Thành Phát” tại địa chỉ số F N, khóm T, phường A, TP ., tỉnh Đồng Tháp cho anh Đặng Bá T và chị Phạm Ngọc G để tiếp tục quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh của Nhà hàng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và Tuyên bố hợp đồng cho thuê

một phần quyền sử dụng đất giữa ông Quảng Ngọc T1, bà Trần Thị Ú với anh Lê Thành N (Hợp đồng công chứng số 1038 ký ngày 03/6/2020 tại Văn phòng C, tỉnh Đồng Tháp) vô hiệu thì bà C không đồng ý.

Ngoài ra, bà C không có yêu cầu gì khác.

***\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Thành N chủ hộ kinh doanh ẩm thực Thành Phát vắng mặt nhưng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, trong quá trình giải quyết vụ án có lời khai, ý kiến trình bày:***

Anh N thống nhất với lời trình bày của bà C. Đầu năm 2020, sau khi bà Phạm Thị Phương C là mẹ vợ anh N sang nhượng các tài sản như bàn ghế, tủ, chén, ly, máy quạt, máy lạnh, tủ đông từ chị G thì bà C cho lại các tài sản trên cho anh N quản lý, kinh doanh, hiện tại tài sản còn lại khi bà C nhận sang nhượng của chị G chỉ còn là 02 cái tủ đông, 01 cái quạt, còn các tài sản khác thì anh N đã thay mới do đã hư hỏng.

Ngày 03/6/2020, anh N và ông Quảng Ngọc T1 và bà Trần Thị Ú có ký hợp đồng cho thuê một phần quyền sử dụng đất tại thửa đất số 661, tờ bản đồ 43, diện tích là 1.281,1m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại khóm T, phường A, Tp ., tỉnh Đồng Tháp, do ông T1 đứng tên quyền sử dụng đất, diện tích thuê là 1.200m<sup>2</sup>, thời hạn thuê là 09 năm từ ngày 03/6/2020 đến ngày 03/6/2029, giá thuê là 12.000.000 đồng/tháng, anh N đã đặt cọc trước cho ông T1, bà Ú số tiền là 600.000.000 đồng, số tiền đặt cọc này trừ vào tiền thuê là 5.000.000 đồng/tháng, nên anh N hàng tháng trả tiền thuê đất cho ông T1, bà Ú là 7.000.000 đồng/tháng. Còn việc chị G thiếu tiền sử dụng của Nhà nước thì anh N không biết. Hiện tại hợp đồng thuê một phần đất giữa anh N với ông T1, bà Ú vẫn đang còn hiệu lực.

Hiện tại anh N đang đứng tên kinh doanh nhà hàng Á, theo giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh Ẩm thực Thành Phát số 51B8010018, do Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố S cấp.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu tuyên hủy hợp đồng chuyển nhượng nhà hàng “Ẩm thực Thành P1” mà chị Phạm Ngọc G đã ký chuyển nhượng cho bà Phạm Thị Phương C hoặc cho anh Lê Thành N và Hủy giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 51B8010018 do Phòng Tài chính – Kế hoạch thành phố S, tỉnh Đồng Tháp cấp cho anh Lê Thành N. Buộc bà Phạm Thị Phương C và anh Lê Thành N giao lại nhà hàng “Ẩm thực Thành Phát” tại địa chỉ số F N, khóm T, phường A, TP ., tỉnh Đồng Tháp cho ôn Đặng Bá T và chị Phạm Ngọc G để tiếp tục quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh của Nhà hàng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và Tuyên bố hợp đồng cho thuê một phần quyền sử dụng đất giữa ông Quảng Ngọc T1, bà Trần Thị Ú với anh Lê Thành N hợp đồng công chứng số 1038 ký ngày 03/6/2020 tại Văn phòng công chứng Thái Viết Phương tỉnh Đ vô hiệu thì anh N không đồng ý.

Ngoài ra, anh N không yêu cầu gì khác.

***\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Quảng Ngọc T1, bà Trần Thị Ú vắng mặt nhưng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, trong quá trình giải quyết vụ án có lời khai, ý kiến trình bày:***

Vào năm 2018, ông T1, bà Ú và chị Phạm Ngọc Giàu c ký kết hợp đồng thuê một phần quyền sử dụng đất của thửa đất 528 (nay là thửa 661), tờ bản đồ 43, diện tích là 1.396,6m<sup>2</sup> đất tọa lạc tại khóm T, phường A, thành phố S, Đồng Tháp, cụ thể chị G thuê diện tích 1.200m<sup>2</sup>, thời hạn thuê là 06 năm, kể từ ngày 14/12/2018, giá thuê là 8.000.000 đồng/tháng, hợp đồng thuê một phần quyền sử dụng đất được công chứng tại Văn phòng C3. Người ký hợp đồng thuê một phần quyền sử dụng đất với ông T1, bà Ú là chị Phạm Ngọc G, người trả tiền thuê hàng tháng cũng là chị G, ông T1, bà Ú không biết ông Đặng Bá T là ai và cũng không có ký hợp đồng thuê đất với ông Đặng Bá T.

Đến năm 2018, chị Giàu s lại các tài sản trong nhà hàng A lại cho bà C (các tài sản chị G sang nhượng lại cho bà C không bao gồm nhà tạm, công trình xây dựng, kiến trúc phụ phục vụ kinh doanh gắn với quyền sử dụng đất). Việc chị Giàu sang n các tài sản trong nhà hàng cho bà C và giá chuyển nhượng lại bao nhiêu thì ông T1, bà Ú không biết. Đến ngày 16/4/2020 ông T1, bà Ú với chị G làm văn bản thỏa thuận chấm dứt hợp đồng thuê một phần quyền sử dụng đất, theo văn bản thỏa thuận chấm dứt thì các tài sản như nhà tạm, công trình xây dựng, kiến trúc phụ phục vụ kinh doanh gắn với quyền sử dụng đất là tài sản của ông T1, bà Ú. Thời điểm chấm dứt hợp đồng thuê đất giữa ông T1, bà Ú với chị G thì chị G còn thiếu ông T1, bà Ú 04 tháng tiền thuê đất nhưng sau đó đã trả xong. Mặt khác, do đất ông T1, bà Ú là đất trồng cây lâu năm muốn kinh doanh dịch vụ ăn uống phải chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang đất thương mại dịch vụ và khi thuê đất chị G thỏa thuận với ông T1, bà Ú sẽ trả tiền chuyển mục đích sử dụng đất nên ông T1, bà Ú mới đồng ý cho chị G thuê nhưng sau khi chấm dứt hợp đồng thuê đất với chị G thì ông T1, bà Ú phát hiện chị G không trả tiền chuyển mục đích sử dụng đất còn thiếu lại Nhà nước tiền sử dụng đất là 277.012.500 đồng, tiền phạt chậm nộp là 33.105.867 đồng. Sau đó, ông T1, bà Ú phải nộp số tiền này thay cho chị G.

Đến ngày 03/6/2020, anh N và ông Quảng Ngọc T1 và bà Trần Thị Ú có ký hợp đồng cho thuê một phần quyền sử dụng đất tại thửa đất số 661, tờ bản đồ 43, diện tích là 1.281,1m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại khóm T, phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp, do ông T1 đứng tên quyền sử dụng, diện tích thuê là 1.200m<sup>2</sup>, thời hạn thuê là 09 năm từ ngày 03/6/2020 đến ngày 03/6/2029, giá thuê là 12.000.000 đồng/tháng, anh N đã đặt cọc trước cho ông T1, bà Ú số tiền là 600.000.000 đồng, số tiền đặt cọc này trừ vào tiền thuê là 5.000.000 đồng/tháng, nên anh N hàng tháng trả tiền thuê đất cho ông T1, bà Ú là 7.000.000 đồng/tháng. Hiện tại hợp đồng thuê một phần đất giữa ông T1, bà Ú với anh N vẫn đang còn hiệu lực. Ông T1, bà Ú sử dụng số tiền anh N đặt cọc để thanh

toán tiền còn thiếu Nhà nước và chuyển mục đích sử dụng đất lên đất thương mại, dịch vụ.

Đối với số tiền chị G còn thiếu tiền sử dụng đất lại Nhà nước là 277.012.500 đồng, tiền phạt chậm nộp là 33.105.867 đồng mà ông T1, bà Ú đã nộp thay chị G thì ông T1, bà Ú không có tranh chấp, yêu cầu gì chị G. Trong trường hợp có tranh chấp thì ông T1, bà Ú sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu tuyên bố hợp đồng cho thuê một phần quyền sử dụng đất giữa ông T1, bà Ú với anh Lê Thành N, hợp đồng công chứng số 1038 ký ngày 03/6/2020 tại Văn phòng C, tỉnh Đồng Tháp vô hiệu thì Ông T1, bà Ú không đồng ý.

Ngoài ra, ông T1, bà Ú không yêu cầu gì khác.

*\* Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát :*

- Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Các đương sự thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận yêu cầu của ông Đặng Bá T về việc:

- Yêu cầu chị Phạm Ngọc G trả cho ông Đặng Bá T 50% lợi nhuận kết quả hoạt động kinh doanh của nhà hàng “Âm thực Thành Phát” từ tháng 02/2019 đến tháng 3/2020, số tiền là 1.679.419.425<sup>d</sup>, theo như nội dung “Hợp đồng góp vốn đầu tư kinh doanh nhà hàng” ngày 24/12/2018.

- Yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng nhà hàng “Âm thực Thành P1” mà chị Phạm Ngọc G đã ký chuyển nhượng cho bà Phạm Thị Phương C và Hủy giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 51B8010018 do Phòng Tài chính – Kế hoạch thành phố S, tỉnh Đồng Tháp cấp cho anh Lê Thành N.

- Yêu cầu bà Phạm Thị Phương C và anh Lê Thành N giao lại nhà hàng “Âm thực Thành Phát” tại địa chỉ số F N, khóm T, phường A, TP ., tỉnh Đồng Tháp cho ông Đặng Bá T tiếp tục quản lý và điều hành.

- Yêu cầu tuyên bố hợp đồng cho thuê một phần quyền sử dụng đất giữa ông Quảng Ngọc T1, bà Trần Thị Ú với anh Lê Thành Nam vô h.

Về án phí và chi phí tố tụng khác đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Đối với chị Phạm Ngọc G thì kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ (niêm yết công khai) thông báo thụ lý vụ án, giấy

triệu tập đúng địa chỉ của bị đơn chị G, Tòa án cũng đã thông báo tìm kiếm trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng chị G không có văn bản nêu ý kiến, không đến Tòa án để làm việc, cũng như không đến tham dự phiên tòa. Đối với Bà Phạm Thị Phương C, anh Lê Thành N, ông Quảng Ngọc T1, bà Trần Thị Ú vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị G, bà C, anh N, công T1 và bà Ú.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp, căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng hợp tác thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố S nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1]. Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn xác định nguyên đơn không yêu cầu chấm dứt hợp đồng góp vốn đầu tư kinh doanh với chị G, cũng như yêu cầu chia phần góp vốn của nguyên đơn trong hợp đồng góp vốn đầu tư kinh doanh nhà hàng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.2] Về Hợp đồng góp vốn: Đối với hợp đồng góp vốn đầu tư kinh doanh nhà hàng ngày 24/12/2018 được ông Đặng Bá T và chị Phạm Ngọc G ký kết, được công chứng tại Văn phòng C2, thành phố Hồ Chí Minh, thuộc trường hợp chứng cứ không phải chứng minh theo như quy định tại điểm c khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.3] Xét yêu cầu chia lợi nhuận của nguyên đơn đối với hợp đồng góp vốn đầu tư kinh doanh nhà hàng ngày 24/12/2018, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại Điều 504 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

*1. Hợp đồng hợp tác là sự thỏa thuận giữa các cá nhân, pháp nhân về việc cùng đóng góp tài sản, công sức để thực hiện công việc nhất định, cùng hưởng lợi và cùng chịu trách nhiệm.*

*2. ....*

Tại khoản 1 Điều 507 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về quyền và nghĩa vụ của thành viên hợp tác:

*1. Được hưởng hoa lợi, lợi tức thu được từ hoạt động hợp tác.*

Tuy nhiên, căn cứ theo nội dung hợp đồng góp vốn đầu tư kinh doanh nhà hàng ngày 24/12/2018 mà ông T cung cấp thể hiện, ông T và chị G thống nhất cùng nhau góp vốn kinh doanh nhà hàng với vốn đầu tư tối thiểu là 1.400.000.000 đồng, hợp đồng được Văn phòng C2, thành phố Hồ Chí Minh chứng thực số 020816 ngày 24/12/2018, nhưng nội dung không thể hiện là góp

vốn đầu tư kinh doanh nhà hàng tên gì. Trong khi đó, theo như nội dung giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thì Nhà hàng “Âm thực Thành P1” được đăng ký kinh doanh lần đầu tiên vào ngày 25/12/2018, vốn kinh doanh chỉ là 80.000.000 đồng chủ thể thành lập hộ kinh doanh là cá nhân và người đứng tên đại diện hộ kinh doanh là chị Phạm Ngọc G, không có tên ông T trong giấy phép kinh doanh. Mặt khác, phía nguyên đơn cho rằng kết quả kinh doanh nhà hàng “Âm thực Thành Phát” thì từ tháng 02/2019 đến tháng 03/2020 có lợi nhuận số tiền là 1.679.419.425 đồng, lợi nhuận này nguyên đơn biết được thông qua việc theo dõi phần mềm Cukcuk. Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện hợp pháp nguyên đơn xác định theo thỏa thuận hợp đồng góp vốn thì chị G là người trực tiếp việc quản lý, chịu trách nhiệm kinh doanh và đứng tên giấy phép kinh doanh nhà hàng “Âm thực Thành Phát”, còn ông T chỉ quản lý và theo dõi qua phần mềm Cukcuk, ông T không có giữ, quản lý sổ sách kinh doanh hàng ngày của nhà hàng, giữa ông T và chị G cũng chưa tiến hành đối chiếu sổ sách kinh doanh của nhà hàng. Trong khi đó, tại Điều 6 của hợp đồng giữa ông T và chị G thỏa thuận, lãi hoặc lỗ là kết quả sau cùng xác định bằng cách lấy tổng doanh thu trừ toàn bộ chi phí và lãi sẽ được phân chia sau khi 02 bên xác nhận kết quả kinh doanh của từng tháng...”.

Tại khoản 1 Điều 91 BLTTDS quy định về nghĩa vụ chứng minh

*1. Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp,*

Như vậy, giữa ông T và chị G chưa tiến hành đối chiếu kết quả kinh doanh thực tế của nhà hàng, nhưng nguyên đơn cho rằng nhà hàng kinh doanh có lãi và nguyên đơn biết được là thông qua phần mềm Cukcuk, trong khi đó phần mềm này do nguyên đơn quản lý và nguyên đơn cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ là nhà hàng kinh doanh có lãi nên yêu cầu của nguyên đơn không có căn cứ chấp nhận.

[3.4]. Đối với yêu cầu tuyên hủy hợp đồng chuyển nhượng nhà hàng “Âm thực Thành P1” mà chị Phạm Ngọc G đã ký chuyển nhượng cho bà Phạm Thị Phương C hoặc cho anh Lê Thành N và Hủy giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 51B8010018 do Phòng Tài chính – Kế hoạch thành phố S, tỉnh Đồng Tháp cấp cho anh Lê Thành N và yêu cầu bà Phạm Thị Phương C và anh Lê Thành N giao lại nhà hàng “Âm thực Thành Phát” tại địa chỉ số F N, khóm T, phường A, TP ., tỉnh Đồng Tháp cho ông Đặng Bá T và chị Phạm Ngọc G để tiếp tục quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh của Nhà hàng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, theo lời trình bày của bà Phạm Thị Phương C thì vào tháng 01 năm 2020, do chị G thiếu tiền mua vật liệu xây dựng của bà C là 200.000.000 đồng nên chị G có bán lại các tài sản như bàn ghế, tủ, chén, máy quạt, máy lạnh, 02 tủ đông...với giá là 200.000.000 đồng cho bà C, để trừ nợ nên bà C đồng ý mua, thời điểm bà C mua lại các tài sản này từ chị G đang đứng tên giấy phép kinh doanh nhà hàng A, chị G không có nói và

bà C cũng không có biết là giữa chị G và ông T có hợp đồng góp vốn kinh doanh nhà hàng A. Mặt khác, căn cứ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thì Nhà hàng “Ấm thực Thành P1” được đăng ký kinh doanh lần đầu tiên vào ngày 25/12/2018, người đứng tên đại diện hộ kinh doanh là chị Phạm Ngọc G. không có tên anh T trong giấy phép kinh doanh, do đó, việc bà C thỏa thuận mua các tài sản trong nhà hàng A với chị G là hợp pháp, đúng quy định pháp luật, ngay tình nên được công nhận, do đó Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận.

[3.5]. Đối với yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu tuyên bố hợp đồng cho thuê một phần quyền sử dụng đất giữa ông Quảng Ngọc T1, bà Trần Thị Ú với anh Lê Thành Nam vô h. Hội đồng xét xử xét thấy, ngày 14/12/2018 giữa ông T1, bà Ú và chị Phạm Ngọc Giàu c ký kết hợp đồng thuê một phần quyền sử dụng đất của thửa đất 528 (nay là thửa 661), tờ bản đồ 43, diện tích là 1.396,6m<sup>2</sup> đất tọa lạc tại khóm T, phường A, thành phố S, Đồng Tháp, tại phiên tòa, đại diện của nguyên đơn cũng thừa nhận việc chị G thuê đất của ông T1 được thực hiện trước khi ông T cùng chị G thỏa thuận hợp tác kinh doanh nhà hàng, ông T1 và bà Ú xác định ký hợp đồng thuê đất với chị G, chị G trả tiền thuê đất hàng tháng cho ông T1 và bà Ú, ông T1 và bà Ú không có biết ông T là ai và cũng không biết giữa ông T và chị Giàu có hợp đồng góp vốn kinh doanh. Mặt khác, theo thỏa thuận giữa ông T1, bà Ú với chị G tại văn bản thỏa thuận chấm dứt hợp đồng thuê một phần quyền sử dụng đất ngày 16/4/2020 thì các tài sản như nhà tạm, công trình xây dựng, kiến trúc phụ phục vụ kinh doanh gắn với quyền sử dụng đất là tài sản của ông T1, bà Ú. Do đó, sau khi ông T1, bà Ú với chị G ký văn bản thỏa thuận chấm dứt hợp đồng thuê một phần quyền sử dụng đất ngày 16/4/2020 thì ông T1, bà Ú ký hợp đồng thuê một phần quyền sử dụng đất với anh Lê Thành N là phù hợp, được công nhận, làm phát sinh hiệu lực. Do đó yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng cho thuê một phần quyền sử dụng đất giữa ông T1, bà Ú với anh N là không có căn cứ chấp nhận.

Từ những căn cứ trên, xét yêu cầu khởi kiện của ông T đối với bị đơn chị G, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà C, anh N, ông T1 và bà Ú là không có căn cứ chấp nhận.

[4]. Đối với ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của ông Đặng Bá T là có cơ sở chấp nhận như Hội đồng xét xử đã nhận định trên.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu có giá ngạch và không có giá ngạch theo quy định pháp luật.

[6]. Về chi phí tố tụng:

- Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông T đã nộp tạm ứng số tiền là 800.000 đồng. Do yêu cầu của ông T không được chấp nhận nên ông T phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

- Về chi phí đăng phát báo, đài: Đối với chi phí đăng báo là 3.000.000 đồng và chi phí đăng phát trên đài 1.000.000 đồng. Tổng cộng là 4.000.000 đồng. Do không chấp nhận yêu cầu của ông T2 nên ông T phải chịu chi phí đăng báo, đăng phát trên đài theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 26, Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 92, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 504, 507 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Đặng Bá T3 về việc yêu cầu: chị Phạm Ngọc G trả cho ông Đặng Bá T 50% lợi nhuận kết quả hoạt động kinh doanh của nhà hàng “Ấm thực Thành Phát” từ tháng 02/2019 đến tháng 3/2020, số tiền là 1.679.419.425 đồng, trả đầy đủ số tiền nêu trên cho ông T ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, yêu cầu tuyên hủy hợp đồng chuyển nhượng nhà hàng “Ấm thực Thành P1” mà chị Phạm Ngọc G đã ký chuyển nhượng cho bà Phạm Thị Phương C hoặc cho anh Lê Thành N và Hủy giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 51B8010018 do Phòng Tài chính – Kế hoạch thành phố S, tỉnh Đồng Tháp cấp cho anh Lê Thành N, yêu cầu bà Phạm Thị Phương C và anh Lê Thành N giao lại nhà hàng “Ấm thực Thành Phát” tại địa chỉ số F N, khóm T, phường A, TP ., tỉnh Đồng Tháp cho ông Đặng Bá T và chị Phạm Ngọc G để tiếp tục quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh của Nhà hàng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và yêu cầu tuyên bố hợp đồng cho thuê một phần quyền sử dụng đất giữa ông Quảng Ngọc T1, bà Trần Thị Ú với anh Lê Thành N, hợp đồng công chứng số 1038 ký ngày 03/6/2020 tại Văn phòng công chứng Thái Viết Phương tỉnh Đ vô hiệu.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đặng Bá T phải nộp 62.682.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 31.191.300 đồng theo biên lai số 0008366 ngày 06/10/2020 và 300.000 đồng theo biên lai số 0000545 ngày 26/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc. Sau khi căn trừ ông T phải nộp tiếp số tiền 31.190.700 đồng.

3. Về chi phí tố tụng:

- Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông Thanh chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền là 800.000 đồng (ông T đã nộp và chi xong).

- Về chi phí đăng phát báo, đài: Ông T phải chịu chi phí đăng báo, đăng phát trên đài là 4.000.000 đồng (ông T đã nộp và chi xong).

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND Tỉnh;
- VKSND TP. Sa Đéc;
- Chi cục THADS TP. Sa Đéc;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Phạm Văn Tuấn Em**